

Số: *M*<sup>7</sup>QĐ-CTHADS

Bình Thuận, ngày *M* tháng *M* năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi**  
**phí thi hành án dân sự năm 2023**

**CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**  
**TỈNH BÌNH THUẬN**

Căn cứ Quyết định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 61/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-BTP ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1069/QĐ-TCTHADS ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi phí thi hành án dân sự năm 2023;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi phí thi hành án dân sự năm 2023 cho đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Căn cứ dự toán điều chỉnh, bổ sung được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận, Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /: *me*

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Tổng Cục THADS-VKHTC;
- Lãnh đạo Cục THADS ;
- KBNN tỉnh;
- KBNN nơi giao dịch (gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách);
- Lưu: VT, Kế toán HCSN.

**KT. CỤC TRƯỞNG**  
**PHÓ CỤC TRƯỞNG**  
  
**Nguyễn Văn Bình**



**CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN GIAO THU, CHI PHÍ THỰC AN DÂN SỰ NĂM 2023**  
(Kèm theo Quyết định số 122/QĐ-TCTHADS ngày 14/11/2023 của Tổng Cục trưởng Tổng Cục Thực an dân sự)

Đơn vị: nghìn đồng

STT	Đơn vị	GIAO DỰ TOÁN THU NĂM 2023					DỰ TOÁN THU, CHI PHÍ THADS NĂM 2023 ĐIỀU CHỈNH											Giao không thực hiện tự chủ
		Tổng dự toán giao thu năm 2023	Số nộp về Tổng cục	Số để lại đơn vị	Số thu nộp ngân sách	TỔNG CỘNG	Thiết bị để CCTL	Số nộp	Giao thực hiện tự chủ	Tổng cộng	Tổng	Dịch vụ công cộng	Chi vật tư văn phòng	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản, bảo trì trụ sở	Chi xác minh điều kiện thi hành án	Chi cưỡng chế, kê biên, bàn giao tài sản	Chi phục vụ tài sản dùng công tác thu phí khác	
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8=9+17	9=SUM(10:16)	10	11	12	13	14	15	16	17
35	BÌNH THUAN	4.972.000	994.400	2.734.600	1.243.000	2.364.900	84.000	0	2.280.900	2.280.900	292.400	524.400	248.500	326.400	135.300	753.900	0	0
C2	THA Bình	275.000	55.000	151.250	68.750	130.800	10.000		120.800	120.800	14.200	18.200	0	10.100	0	78.300	0	0
CC2	THA TP. Phan Thiết	1.906.000	381.200	1.048.300	476.500	906.600	10.000		896.600	896.600	102.200	242.700	127.700	168.600	25.500	229.900	0	0
CC1	THA Phú Quý	25.000	5.000	13.750	6.250	11.900	0		11.900	11.900	0	0	0	5.200	6.700	0	0	0
CC2	THA TX. La Gi	175.000	35.000	96.250	43.750	83.200	6.000		77.200	77.200	29.700	22.300	0	25.200	0	0	0	0
CC2	THA Hầm Tân	284.000	56.800	156.200	71.000	135.100	5.000		130.100	130.100	18.900	28.300	23.600	14.100	18.900	0	26.300	0
CC2	THA Tỉnh Linh	221.000	44.200	121.550	55.250	105.100	8.000		99.100	99.100	0	0	0	29.200	0	99.100	0	0
CC2	THA Tuy Phong	669.000	133.800	367.950	167.250	318.200	7.000		310.200	310.200	65.000	78.200	47.700	29.200	46.400	43.700	25.400	0
CC2	THA Bắc Bình	171.000	34.200	94.050	42.750	81.300	8.000		74.300	74.300	6.400	7.600	12.700	12.700	9.500	0	68.100	0
CC2	THA Hầm Thuận Nam	299.000	59.800	164.450	74.750	142.200	15.000		127.200	127.200	22.700	30.300	6.100	37.800	28.300	103.700	0	0
CC2	THA Đức Linh	642.000	128.400	353.100	160.500	305.400	9.000		296.400	296.400	22.700	85.000	18.900	37.800	28.300	79.400	0	0
CC2	THA Hầm Thuận Bắc	305.000	61.000	167.750	76.250	145.100	8.000		137.100	137.100	10.600	11.800	11.800	23.500	0	0	0	0

Số: 1069/QĐ-TCTHADS

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi  
phí thi hành án dân sự năm 2023**

**TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 61/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-BTP ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Tổng cục Thi hành án dân sự.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi phí thi hành án dân sự năm 2023 cho đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Căn cứ dự toán điều chỉnh, bổ sung được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự và các cá nhân, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Mai Lương Khôi (để b/c);
- Tổng Cục trưởng (để b/c);
- Cục Kế hoạch - Tài chính, BTP (để ph/h);
- KBNN nơi đơn vị giao dịch (gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách);
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



**Trần Thị Phương Hoa**

**CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN GIAO THU, CHI PHÍ THỊ HÀNH AN DÂN SỰ NĂM 2023**  
(Kèm theo Quyết định số 1069/QĐ-TC/THADS ngày 13/11/2023 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thị hành an dân sự)

Đơn vị: nghìn đồng

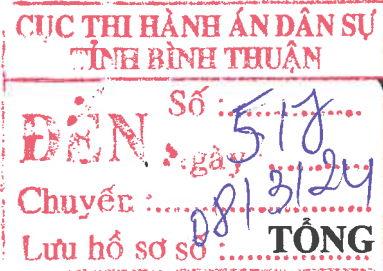
STT	Đơn vị	Tổng dự toán giao thu năm 2023	Số nợ về Tổng cục	Số để lại đơn vị	Số thu nộp ngân sách	TỔNG CỘNG	Tiết kiệm để CCTU	Số nộp Tổng cục	Giao thực hiện tự chủ	Tổng cộng	Dự TOÁN CHI TỪ PHÍ ĐƯỢC ĐỂ LẠI NĂM 2023							Giao không thực hiện tự chủ
											Tổng	Dịch vụ công cộng	Chi vật tư văn phòng	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản, bảo trì trụ sở	Chi xác minh điều kiện thi hành án	Chi cưỡng chế, kê biên, bản giao tài sản	Chi phục vụ công tác thu phí khác	
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8=9+17	9-SUM(10:16)	10	11	12	13	14	15	16	17
35	BÌNH THUẬN	4.972.000	994.400	2.734.600	1.243.000	2.364.900	84.000	0	2.280.900	2.280.900	292.400	524.400	248.500	326.400	135.300	753.900	0	
C2	THA tỉnh	275.000	55.000	151.250	68.750	130.800	10.000		120.800	120.800	14.200	18.200	0	10.100	0	78.300	0	
CC1	THA TP. Phan Thiết	1.906.000	381.200	1.048.300	476.500	906.600	10.000		896.600	896.600	102.200	242.700	127.700	168.600	25.500	229.900	0	
CC1	THA Phú Quý	25.000	5.000	13.750	6.250	11.900	0		11.900	11.900	0	0	0	5.200	6.700	0	0	
CC2	THA TX. La Gi	175.000	35.000	96.250	43.750	83.200	6.000		77.200	77.200	29.700	22.300	0	25.200	0	0	0	
CC2	THA Hàm Tân	284.000	56.800	156.200	71.000	135.100	5.000		130.100	130.100	18.900	28.300	23.600	14.100	18.900	26.300	0	
CC2	THA Thành Lĩnh	221.000	44.200	121.550	55.250	105.100	6.000		99.100	99.100	0	0	0	0	0	99.100	0	
CC2	THA Tuy Phong	669.000	133.800	367.950	167.250	318.200	8.000		310.200	310.200	65.000	78.200	47.700	29.200	46.400	43.700	0	
CC2	THA Bắc Bình	171.000	34.200	94.050	42.750	81.300	7.000		74.300	74.300	6.400	7.600	12.700	12.700	9.500	25.400	0	
CC2	THA Hàm Thuận Nam	299.000	59.800	164.450	74.750	142.200	15.000		127.200	127.200	22.700	30.300	6.100	0	0	68.100	0	
CC2	THA Đức Linh	642.000	128.400	353.100	160.500	305.400	9.000		296.400	296.400	22.700	85.000	18.900	37.800	28.300	103.700	0	
CC2	THA Hàm Thuận Bắc	305.000	61.000	167.750	76.250	145.100	8.000		137.100	137.100	10.600	11.800	11.800	23.500	0	79.400	0	

*(Handwritten signature)*

\*] Căn cứ tình hình thu, nộp, sử dụng phí của các đơn vị trực thuộc, Cục THADS chủ động điều chỉnh dự toán thu, chi của các đơn vị trực thuộc theo phân cấp tại Quyết định số 496/QĐ-BTP ngày 31/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Số: 1069/QĐ-TCTHADS

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2023



## QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi  
phí thi hành án dân sự năm 2023

**TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 61/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-BTP ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Tổng cục Thi hành án dân sự.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi phí thi hành án dân sự năm 2023 cho đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Căn cứ dự toán điều chỉnh, bổ sung được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự và các cá nhân, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

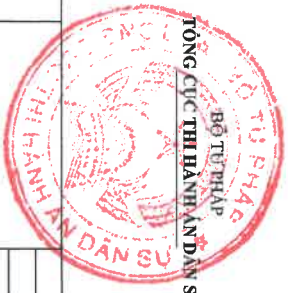
### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Mai Lương Khôi (để b/c);
- Tổng Cục trưởng (để b/c);
- Cục Kế hoạch - Tài chính, BTP (để ph/h);
- KBNN nơi đơn vị giao dịch (gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách);
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



**Trần Thị Phương Hoa**



BỘ TƯ PHÁP  
TỔNG CỤC THỰC HÀNH AN DÂN SỰ

**CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN GIAO THU, CHI PHÍ THỰC HÀNH AN DÂN SỰ NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1069/QĐ-TCTHADS ngày 13/11/2023 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thực hành an dân sự)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị: nghìn đồng

STT	Đơn vị	Tổng dư toán giao thu năm 2023	Số nộp về Tổng cục	Số để lại đơn vị	Số thu nộp ngân sách	TỔNG CỘNG	Tiết kiệm để CCTL	Số nộp Tổng cục	Giao thực hiện tự chủ	Số đơn vị được để lại sử dụng							Giao không thực hiện tự chủ		
										Tổng	Dịch vụ công cộng	Chi vật tư văn phòng	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản, bảo trì trụ sở	Chi khác minh điều hành an	Chi cường chế, kê biên, tạm giữ tài sản	Chi phục vụ công tác thu phí khác		Mua sắm tài sản dùng cho chuyên môn	
A	B	1-2+3+4	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8-9+17	9-SUM(10:16)	10	11	12	13	14	15	16	17	
35	BÌNH THUẬN	4.972.000	994.400	2.734.600	1.243.000	2.364.900	84.000	0	2.280.900	2.280.900	292.400	524.400	248.500	326.400	135.300	753.900	0	0	
C2	THA tỉnh	275.000	55.000	151.250	68.750	130.800	10.000		120.800	120.800	14.200	18.200	0	10.100	0	78.300	0	0	
CC2	THA TP. Phan Thiết	1.906.000	381.200	1.048.300	476.500	906.600	10.000		896.600	896.600	102.200	242.700	127.700	168.600	25.500	229.900	0	0	
CC1	THA Phú Quý	25.000	5.000	13.750	6.250	11.900	0		77.200	77.200	0	22.300	0	5.200	6.700	0	0	0	
CC2	THA TX. La Gi	175.000	35.000	96.250	43.750	83.200	6.000		130.100	130.100	18.900	28.300	23.600	14.100	18.900	26.300	0	0	
CC2	THA Hàm Tân	284.000	56.800	156.200	71.000	135.100	5.000		99.100	99.100	0	0	0	0	0	99.100	0	0	
CC2	THA Thanh Linh	221.000	44.200	121.550	55.250	105.100	6.000		310.200	310.200	65.000	78.200	47.700	29.200	46.400	43.700	0	0	
CC2	THA Tuy Phong	669.000	133.800	367.950	167.250	318.200	8.000		74.300	74.300	6.400	7.600	12.700	12.700	9.500	25.400	0	0	
CC2	THA Bắc Bình	171.000	34.200	94.050	42.750	81.300	7.000		127.200	127.200	22.700	30.300	6.100	0	0	68.100	0	0	
CC2	THA Hàm Thuận Nam	299.000	59.800	164.450	74.750	142.200	15.000		296.400	296.400	22.700	85.000	18.900	37.800	28.300	103.700	0	0	
CC2	THA Đức Linh	642.000	128.400	353.100	160.500	305.400	9.000		137.100	137.100	10.600	11.800	11.800	23.500	0	79.400	0	0	
CC2	THA Hàm Thuận Bắc	305.000	61.000	167.750	76.250	145.100	8.000												

\*/ Căn cứ tính hình thu, nộp, sử dụng phí của các đơn vị trực thuộc, Cục THADS chủ động điều chỉnh theo phân cấp tại Quyết định số 496/QĐ-BTP ngày 31/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.